

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 12 - 01 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hùng
- *Các Thẩm phán:* Ông Dư Thành Trung
Bà Lê Thị Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2020/TLPT-DS ngày 24/11/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2020/QĐ-PT ngày 10/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 150/2020/QĐ-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị D, sinh năm 1968. Cư trú tại: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975. Cư trú tại: Số 77/14, đường Phan Đình P, tổ 11, Phường X, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020).

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Minh H, sinh năm 1963. Cư trú tại: Tổ 8, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hoàng Thị Minh H.

(Ông T, bà H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với bà Hoàng Thị Minh H nên ngày 23/5/2013 bà D có cho bà H vay 100.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy vay tiền, giấy vay do bà D viết, bà H ký, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền. Trong giấy vay không ghi lãi suất, thời hạn vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất nhưng không nhớ, lúc bà D cho rằng là 2%/tháng, lúc thì 1.000 đồng/ngày/triệu, khi nào cần bà báo trước cho bà H thì sắp xếp trả. Từ ngày vay đến nay bà H chưa trả lãi và gốc. Do bà D và bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn nên có đòi nợ nhiều lần nhưng bà H không trả. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ số tiền gốc đã vay 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 23/5/2013 đến 23/8/2020 là 87 tháng x 100.000.000 đồng x 0.83%/tháng= 72.210.000 đồng, cộng cả gốc và lãi là 172.210.000 đồng. Bà D trình bày về giấy xác nhận tiền photo do bà H xuất trình cho Tòa án thì bà hoàn toàn không biết, không phải chữ viết, chữ ký của bà, bà chưa bao giờ làm chủ dây huê và cho bà H chơi huê, hót huê để trả nợ cho bà. Số tiền bà H vay cũng không phải là tiền chơi đề, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Hoàng Thị Minh H trình bày: Bà H có quen biết, là bạn bè thân thiết với bà D nhiều năm. Về sự việc bà D khởi kiện bà đòi nợ bà không đồng ý. Bà cho rằng số tiền nợ trong giấy vay tiền ghi ngày 23/5/2013 là tiền chơi đề, bà D chỉ cho bà chơi đề sau đó không trả được nợ. Bà D có viết giấy vay tiền và nói bà ký vào chứ thực chất không vay tiền. Sau đó bà trả lãi cho bà D nhiều tháng, các tháng đầu trả 9.000.000 đồng/tháng, sau đó giảm xuống 5.000.000 đồng/tháng, tổng số lãi đã đưa cho bà D là 94.000.000 đồng. Do không tiếp tục trả lãi được nên bà D có cho bà chơi 01 chân huê (hụi) trong dây huê do bà D làm chủ gồm có 20 chân, đến tháng thứ 3 bà H hót được 167 triệu đồng và trả nợ cho bà D xong. Bà có viết 01 giấy xác nhận tiền ngày 23/5/2014 và bà D có ký tên xác nhận trả xong nợ, đồng thời bà có trách nhiệm đóng huê cho bà D mỗi tháng 10.000.000 đồng đến ngày 23/01/2016 là xong, giấy này bản gốc bà D giữ, chỉ đưa cho bà 01 bản photo. Bà khẳng định bà không còn nợ tiền bà D. Còn tiền huê bà cũng đóng xong. Do hai bên trả nợ xong nên bà D không đòi nợ bà bao giờ. Đến tháng 10/2019 bà D khởi kiện thì bà mới biết. Nay bà D khởi kiện đòi trả nợ gốc và lãi phát sinh bà không đồng ý.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 40/2020/DSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với bà Hoàng Thị Minh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Hoàng Thị Minh H phải trả cho bà Ngô Thị D số tiền 168.210.000 đồng (nợ gốc là 100 triệu đồng, tiền lãi là 68.210.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2020, bị đơn bà Hoàng Thị Minh H kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Hoàng Thị Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Minh H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Ngô Thị D và bà Hoàng Thị Minh H có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/5/2013 bà D cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền, không thể hiện thời hạn vay và lãi suất. Khi nào bà D cần thì bà H sẽ trả. Tuy nhiên, bà D đã đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả lại cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất.

Bà H không đồng ý trả vì bà cho rằng bà có ký vào giấy vay tiền là vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng, nhưng đó là nợ tiền chơi đề, bà đã hốt huê (hụi) được 167.000.000 đồng và đã trả xong cho bà D nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Minh H thì:

[2.1]. Theo giấy vay tiền ghi ngày 23/5/2013 thể hiện bà H có vay tiền của bà D với số tiền 100.000.000 đồng (Bút lục số 14) là có thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D và bà H thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của bà. Thực chất của giấy vay tiền là nợ tiền chơi đề và bà đã hốt huê được 167.000.000 đồng cũng đã trả xong nợ cho bà D nên bà không còn nợ tiền bà D. Tuy nhiên, bà H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc bà đã trả xong nợ cho bà D.

Tại giai đoạn sơ thẩm bà H chỉ xuất trình được một tài liệu, chứng cứ là 01 giấy xác nhận tiền đề ngày 23/5/2014 là bản photo, không có bản chính với nội dung “*bà H có hót huê của bà D huê 10.000.000 đồng, hót được 167.000.000 đồng trả nợ cho bà D hết, bà có trách nhiệm đóng huê cho bà Dinh mỗi tháng 10.000.000 đồng đến hết ngày 23/01/2016 hết*” (Bút lục số 23). Bà H cho rằng giấy này do bà viết và bà D có ký tên xác nhận trả nợ xong, giấy này bản chính bà D giữ, chỉ đưa cho bà 01 bản photo. Tuy nhiên, bà D xác nhận không phải chữ ký của bà nên không có cơ sở xác định chữ ký trong giấy xác nhận là chữ ký của bà D.

[2.2]. Hơn nữa, tại giai đoạn sơ thẩm bà H có đơn tố cáo yêu cầu chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng để làm rõ số tiền nợ này là tiền ghi đề và đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng có công văn trả lời số 385/CV-ĐTTH ngày 15/7/2020, trả lời “*bà Hoàng Thị Minh H tố cáo bà Ngô Thị D về hành vi ghi sổ đề và lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ*”. (Bút lục số 31).

[2.3]. Mặc khác, bà H còn cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của những người làm chứng (Bút lục số 95) chứng kiến việc bà H trả tiền cho bà D. Tuy nhiên giấy xác nhận không ghi ngày tháng năm, địa chỉ của những người làm chứng, không thể hiện nội dung bà H trả tiền cho bà D là trả tiền gì, bà H cũng thừa nhận giấy xác nhận này bà mới làm nên không có cơ sở xác định bà H đã trả số tiền vay 100.000.000 đồng cho bà D.

[2.4]. Cơ quan điều tra Công an huyện B có làm việc với bà Oanh thì bà Oanh trình bày không nhớ, không liên quan gì đến nợ nần của bà D và bà H, không chơi huê, hót huê của bà D (Bút lục số 37-38).

[2.5]. Về yêu cầu tính lãi suất của bà D: Trong nội dung của giấy vay tiền ngày 23/5/2013 không thể hiện lãi suất và thời hạn trả. Tuy nhiên, bà D thừa nhận đã nhận của bà H 4.000.000 đồng tiền lãi suất, còn bà H trình bày có trả cho bà D số tiền lãi là 9%/ tháng là 54.000.000 đồng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền này.

Tại giai đoạn sơ thẩm, bà D yêu cầu bà H trả lãi cho bà theo lãi suất Ngân hàng là 0,83%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng mức lãi suất 0.83%/tháng là chưa phù hợp.

Bởi lẽ, bà D yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm vay là ngày 23/5/2013 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 23/8/2020. Nên cần áp dụng lãi suất theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 1 của Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm cụ thể như sau:

$0,75\%/1 \text{ tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 87 \text{ tháng}$ (từ ngày 23/5/2013 đến ngày 23/8/2020) = 65.250.000 đồng - 4.000.000 đồng = 61.250.000 đồng.

[2.6]. Tại phiên tòa hôm nay, bà H không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án. Buộc bà Hoàng Thị Minh H trả cho bà Ngô Thị D số tiền gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, về phần tính lãi suất là chưa phù hợp cần phải sửa lại phần này.

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Minh H.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Ngô Thị D ($161.250.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.062.500 \text{ đồng}$).

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Hoàng Thị Minh H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Minh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với bà Hoàng Thị Minh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Hoàng Thị Minh H phải trả cho bà Ngô Thị D số tiền 161.250.000 đồng (trong đó nợ gốc là 100 triệu đồng, tiền lãi là 61.250.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Minh H phải chịu 8.062.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 000465 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà H còn phải nộp 7.762.500 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị D 4.780.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019480 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

.....

.....

Đỗ Mạnh Hùng

